

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG VIÊN CÂY XANH KHU DU LỊCH VỊNH TRUNG TÂM CÁT BÀ**

Họ và tên Ban Quản lý cảng cá, bến cá

Địa chỉ: 275 đường Lạch Tray, phường Gia Viên, Hải Phòng

Số BB: 40, 40a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
I	Vật kiến trúc								14.846.155.000	
		Công trình xây dựng năm 2001 (tài sản trong chỉ giới GPMB)								
1		Bến nhỏ				17.467.988.000		68%	11.878.231.840	
2		Nhà điều hành quản lý cảng				3.435.096.000		86%	2.967.922.944	
		Tổng cộng							14.846.155.000	

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

TÊN CÔNG TRÌNH: CẢNG CÁ CÁT BÀ DO BAN QUẢN LÝ CẢNG CÁ BÊN CÁ QUẢN LÝ

TÊN HẠNG MỤC: BẾN NHỎ

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị □ (đ)
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	<i>Chi phí Vật liệu</i>	VL	A	10.329.356.101
	+ Theo đơn giá trực tiếp	A1	Bảng dự toán hạng mục	9.340.841.932
	+ Chênh lệch vật liệu	CL	Theo bảng bù giá	988.514.169
	Cộng	A	A1 + CL	10.329.356.101
2	<i>Chi phí Nhân công</i>	NC	B	2.582.179.677
	+ Theo đơn giá trực tiếp	B1	Bảng dự toán hạng mục	2.142.170.935
	+ Chênh lệch nhân công	CLNC	Theo bảng bù giá	440.008.742
	Cộng	B	B1 + CLNC	2.582.179.677
3	<i>Chi phí Máy thi công</i>	M	C	1.061.495.378
	+ Theo đơn giá trực tiếp	C1	Bảng dự toán hạng mục	1.066.025.416
	+ Chênh lệch Máy thi công	CLMay	Theo bảng bù giá	-4.530.038
	Cộng	C	C1 + CLMay	1.061.495.378
	Cộng chi phí trực tiếp	T	VL + NC + M	13.973.031.156
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	C	T x 6,2%	866.327.932
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT	T x 1%	139.730.312
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT	T x 2%	279.460.623
	Cộng chi phí gián tiếp	GT	(C + LT + TT)	1.285.518.866
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	(T+GT) x 6%	915.513.001
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	(T+GT+TL)	16.174.063.023
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	G x 8%	1.293.925.042
V	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxd	G+GTGT	17.467.988.065
	LÀM TRÒN			17.467.988.000
<i>Bảng chữ: Mười bảy tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng chẵn./.</i>				

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

TÊN CÔNG TRÌNH: CẢNG CÁ CÁT BÀ DO BAN QUẢN LÝ CẢNG CÁ BÊN CÁ QUẢN LÝ

TÊN HẠNG MỤC: NHÀ ĐIỀU HÀNH

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị □ (đ)
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	<i>Chi phí Vật liệu</i>	VL	A	1.727.355.202
	+ Theo đơn giá trực tiếp	A1	Bảng dự toán hạng mục	1.540.423.313
	+ Chênh lệch vật liệu	CL	Theo bảng bù giá	186.931.889
	Cộng	A	A1 + CL	1.727.355.202
2	<i>Chi phí Nhân công</i>	NC	B	965.169.032
	+ Theo đơn giá trực tiếp	B1	Bảng dự toán hạng mục	806.967.457
	+ Chênh lệch nhân công	CLNC	Theo bảng bù giá	158.201.575
	Cộng	B	B1 + CLNC	965.169.032
3	<i>Chi phí Máy thi công</i>	M	C	25.986.892
	+ Theo đơn giá trực tiếp	C1	Bảng dự toán hạng mục	22.326.633
	+ Chênh lệch Máy thi công	CLMay	Theo bảng bù giá	3.660.259
	Cộng	C	C1 + CLMay	25.986.892
	Cộng chi phí trực tiếp	T	VL + NC + M	2.718.511.126
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	C	$T \times 7,3\%$	198.451.312
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT	$T \times 1,1\%$	29.903.622
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT	$T \times 2,5\%$	67.962.778
	Cộng chi phí gián tiếp	GT	(C + LT + TT)	296.317.713
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	$(T+GT) \times 5,5\%$	165.815.586
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	$(T+GT+TL)$	3.180.644.425
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	$G \times 8\%$	254.451.554
V	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxd	G+GTGT	3.435.095.979
	LÀM TRÒN			3.435.096.000
<i>Bảng chữ: Ba tỷ bốn trăm ba mươi lăm triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng chẵn./.</i>				